

LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0	6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223360289	Ngô Lý Mỹ	Anh	26/08/1993	02KT15D1	0,0	0,0	0,0	TBKT			0,0	Học lại
2	2223240134	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	01/01/1995	02KT15B1	5,5	5,5	5,5		8,5		7,3	Đạt
3	2223240166	Huỳnh Thị Thùy	Châu	02/09/2000	02KT15B1	9,0	6,0	7,0		9,5		8,5	Đạt
4	2223240046	Nguyễn Minh	Chiến	10/02/1998	02KT15B1	8,0	7,5	7,7		9,5		8,8	Đạt
5	2223240109	Lê Thị Thùy	Dung	21/03/2000	02KT15B1	8,0	6,5	7,0		9,0		8,2	Đạt
6	2223240183	Đỗ Ngọc Thùy	Dương	17/04/2000	02KT15B1	7,0	7,0	7,0		9,0		8,2	Đạt
7	2223180084	Nguyễn Thụy Phương	Hằng	19/06/1996	02KT15B1	7,5	5,5	6,2		10,0		8,5	Đạt
8	2223180083	Trương Thị Lệ	Hiền	19/07/1990	02KT15B1	9,0	7,5	8,0		10,0		9,2	Đạt
9	2223240031	Thái Lê Lý Mỹ	Hoàng	16/09/2000	02KT15B1	9,0	8,0	8,3		10,0		9,3	Đạt
10	2223360021	Hoàng Quốc	Huy	14/03/1994	02KT15D1	7,5	5,0	5,8		9,0		7,7	Đạt
11	2223240258	Phạm Thị Ngọc	Huyền	22/03/2001	02KT15B1	9,0	6,0	7,0		9,5		8,5	Đạt
12	2223240247	Trần Thu	Mi	24/06/1999	02KT15B1	9,0	9,0	9,0		8,0		8,4	Đạt
13	2223240269	Nguyễn Ngọc	Ngân	04/06/2000	02KT15B1	7,5	5,0	5,8		9,5		8,0	Đạt
14	2223360069	Phạm Thảo	Nhi	09/07/1996	02KT15D1	10,0	8,0	8,7		10,0		9,5	Đạt
15	2223240055	Nguyễn Thành	Phát	27/06/2000	02KT15B1	9,0	8,0	8,3		10,0		9,3	Đạt
16	2223240150	Vũ Thị	Thắm	09/10/1982	02KT15B1	9,0	5,5	6,7		10,0		8,7	Đạt
17	2223240175	Nguyễn Thị Trúc	Thanh	08/05/2004	02KT15B1	9,0	6,5	7,3		9,5		8,6	Đạt
18	2223360425	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	20/09/1997	02KT15D1			0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại
19	2223240172	Đặng Thị Phương	Thảo	04/04/1991	02KT15B1	9,0	6,5	7,3		10,0		8,9	Đạt
20	2223240156	Võ Anh	Thư	10/04/2001	02KT15B1	9,5	8,0	8,5		0,0		3,4	Thi lại

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0	6,0	6,0				
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
21	2223360602	Võ Trần Minh	Thùy	19/02/1997	02KT15D1	8,5	5,0	6,2		10,0		8,5	Đạt
22	1223360071	Nguyễn Đức	Toàn	11/03/2004	02KT15D1	7,0	5,0	5,7		9,5		8,0	Đạt
23	2223180007	Phạm Thị Kiều	Trang	05/01/1998	02KT15B1	9,0	9,5	9,3		10,0		9,7	Đạt
24	2223360034	Hoàng Thị Thùy	Trang	23/08/2005	02KT15D1	8,5	5,0	6,2		10,0		8,5	Đạt
25	2223240128	Đào Đạt	Tuấn	08/04/1998	02KT15B1	9,0	6,5	7,3		9,5		8,6	Đạt
26	2223360015	Nguyễn Thu Thanh	Tuyền	08/07/2001	02KT15D1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0		0,0	Học lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

MÔN: NGUYÊN LÝ KẾ TOÁN

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1	
						HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1
								4,0		6,0	6,0		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	2223360289	Ngô Lý Mỹ	Anh	26/08/1993	02KT15D1	0,9	0,8	0,8	TBKT	0,0		0,3	Học lại
2	2223240134	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	01/01/1995	02KT15B1	10,0	10,0	10,0		9,0		9,4	Đạt
3	2223240166	Huỳnh Thị Thùy	Châu	02/09/2000	02KT15B1	10,0	10,0	10,0		9,0		9,4	Đạt
4	2223240046	Nguyễn Minh	Chiến	10/02/1998	02KT15B1	8,9	10,0	9,6		9,0		9,3	Đạt
5	2223240109	Lê Thị Thùy	Dung	21/03/2000	02KT15B1	9,5	9,1	9,2		9,0		9,1	Đạt
6	2223240183	Đỗ Ngọc Thùy	Dương	17/04/2000	02KT15B1	8,5	8,5	8,5		9,0		8,8	Đạt
7	2223180084	Nguyễn Thụy Phương	Hằng	19/06/1996	02KT15B1	8,4	8,1	8,2		8,0		8,1	Đạt
8	2223180083	Trương Thị Lệ	Hiền	19/07/1990	02KT15B1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
9	2223240031	Thái Lê Lý Mỹ	Hoàng	16/09/2000	02KT15B1	8,0	8,5	8,3		8,0		8,1	Đạt
10	2223360021	Hoàng Quốc	Huy	14/03/1994	02KT15D1	10,0	10,0	10,0		8,0		8,8	Đạt
11	2223240258	Phạm Thị Ngọc	Huyền	22/03/2001	02KT15B1	9,5	9,6	9,6		7,0		8,0	Đạt
12	2223240247	Trần Thu	Mi	24/06/1999	02KT15B1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
13	2223240269	Nguyễn Ngọc	Ngân	04/06/2000	02KT15B1	9,5	9,6	9,6		7,0		8,0	Đạt
14	2223360069	Phạm Thảo	Nhi	09/07/1996	02KT15D1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
15	2223240055	Nguyễn Thành	Phát	27/06/2000	02KT15B1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm Thi		Điểm TBM Lần 1		
					HS1	HS2			L1	L2	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0	6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
16	2223240150	Vũ Thị	Thắm	09/10/1982	02KT15B1	10,0	9,5	9,7		7,0		8,1	Đạt
17	2223240175	Nguyễn Thị Trúc	Thanh	08/05/2004	02KT15B1	8,6	8,2	8,3		9,0		8,7	Đạt
18	2223360425	Huỳnh Thị Thanh	Thảo	20/09/1997	02KT15D1	1,8	1,6	1,7	TBKT	0,0		0,7	Học lại
19	2223240172	Đặng Thị Phương	Thảo	04/04/1991	02KT15B1	9,6	10,0	9,9		10,0		9,9	Đạt
20	2223240156	Võ Anh	Thư	10/04/2001	02KT15B1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
21	2223360602	Võ Trần Minh	Thùy	19/02/1997	02KT15D1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
22	1223360071	Nguyễn Đức	Toàn	11/03/2004	02KT15D1	8,9	8,5	8,6		9,0		8,9	Đạt
23	2223180007	Phạm Thị Kiều	Trang	05/01/1998	02KT15B1	9,5	10,0	9,8		9,0		9,3	Đạt
24	2223360034	Hoàng Thị Thùy	Trang	23/08/2005	02KT15D1	10,0	10,0	10,0		9,0		9,4	Đạt
25	2223240128	Đào Đạt	Tuấn	08/04/1998	02KT15B1	10,0	10,0	10,0		10,0		10,0	Đạt
26	2223360015	Nguyễn Thu Thanh	Tuyền	08/07/2001	02KT15D1	0,9	0,8	0,8	TBKT	0,0		0,3	Học lại